|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| GPAY Technology Jsc., | | |
|  |  |  |
| Báo cáo khảo sát – Hệ thống quản lý kho – May 10 | | |

# Phần mềm quản lý kho

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | 1. Công ty hiện đang sử dụng Bộ phần mềm quản lý kho của Công ty cổ phần Công nghệ DIP Vietnam có trụ sở tại Tầng 8, Tòa nhà văn phòng VCN, Khu đô thị Vĩnh Điềm Trung, TP. Nha Trang? Do đội ngũ phát triển phần mềm của DIP không ở Hà Nội, do đó tất cả các trao đổi liên quan đến kỹ thuật tích hợp giữa hệ thống Quản lý kho DIP và Hệ thống RFID sẽ được trao đổi và thực hiện từ xa, đây cũng là một điểm rủi ro có thể dẫn đến những hiểu lầm trong quá trình tích hợp giữa hai hệ thống. | |
|  | 1. Phần mềm quản lý kho được phát triển bằng Microsoft .Net và sử dụng CSDL SQL Server 2016. Hệ thống được triển khai tập trung theo mô hình Client server với máy chủ được triển khai trên Cloud VPS Server | |
|  | 1. Bộ Phần mềm quản lý kho không chỉ được sử dụng riêng bởi Kho thành phẩm mà còn được sử dụng để Quản lý Lệnh sản xuất, in mã vạch, bán hàng tại các cửa hàng của May 10. | |
|  | 1. Đơn vị cung cấp phần mềm sẵn sàng tích hợp nếu các thay đổi không quá nhiều | |
|  | 1. Phần mềm kế toán đang sử dụng là Bộ phần mềm BRAVO. Việc tích hợp giữa DIP và BRAVO được thực hiện không đồng bộ thông qua một CSDL trung gian trong đó DIP đóng vai trò đẩy dữ liệu và BRAVO kéo về khi cần thiết. 2. Số lượng cán bộ của Kho thành phẩm là khoảng 10 cán bộ. | |
|  | 1. Quy trình nhập kho thành phẩm hiện tại như sau: | |
|  |  | * 1. Nếu nhập mới từ sản xuất Lệnh sản xuất, Phiếu xuất thành phẩm từ Xí nghiệp sản xuất sẽ được gửi kèm theo hàng. Cán bộ kho kiểm đếm số lượng bằng tay và so sánh với số lượng ghi trên phiếu nhập thành phẩm. Sau khi kiểm, nhân viên kho tạo Phiếu nhập kho trên Phần mềm DIP và nhập số tổng nhập theo từng Mã hàng (Mã vạch sản phẩm). Phiếu nhập kho sẽ được đồng bộ với Phần mềm kế toán BRAVO thông qua CSDL trung gian và được Kế toán kéo về cập nhật BRAVO khi cần thiết. |
|  |  | * 1. Nếu là hàng gửi trả lại từ cửa hàng, cán bộ kho thực hiện quét mã vạch từng sản phẩm để tạo Phiếu nhập kho trên DIP. |
|  |  | * 1. Một phiếu nhập kho nhập nhiều loại sản phẩm (mã vạch) |
|  |  | * 1. Trong một thùng hàng nhập mới từ sản xuất thường chứa cùng một loại sản phẩm, cùng màu nhưng bao gồm các size khác nhau. Hàng lẻ có thể dồn lẫn lộn size, màu vào một thùng, trường hợp này cũng xảy ra đổi với hàng nhập trả lại từ cửa hàng |
|  |  | * 1. Kho có 1 cổng nhập được trang bị 1 PC cài Windows7 và Phần mềm quản lý ko. Kích thước và khoảng trổng cổng đủ lớn để triển khai Ống đọc RFID. |
|  |  | * 1. Kích thước thùng hàng tối đa tại Cổng nhập là 65x40x35 cm với trọng lượng tối đa 10kg/thùng |
|  |  | * 1. Kho được chia thành các dãy/ tầng/ mặt (trái/phải). Danh sách màu và năm sản xuất được dán ở đầu dãy để dễ nhận biết khi tìm hàng xuất. Hàng được xếp vào các khoang và được sắp xếp theo Mã sản xuất và giá bán. |
|  |  | * 1. Số lượng hàng nhập trung bình hàng tháng khoảng 30 ngàn SP/tháng. |
|  | 1. Quy trình xuất kho thành phẩm: | |
|  |  | * 1. Các sản phẩm của từng cửa hàng đều được đóng trong 1 thùng ( nhiều mã vạch trong 1 thùng) dựa trên nhu cầu của từng của hàng. Khi chia hàng cho từng của hàng thì nhân viên chia theo chủng loại sản phẩm (sản phẩm được chia vào trong thùng của mỗi cửa hàng xong thì mới lấy sản phẩm khác để chia tiếp). thùng hàng có kích thước lớn nhất là 85x51x31 cm tương ứng với trọng lượng tối đa 20kg / thùng |
|  |  | * 1. Các sản phẩm khi xuất kho đều được quét mã vạch và sau đó nhân viên sẽ so sánh kết quả quét mã vạch và phiếu xuất ghi tay (ở sổ) nếu chính xác thì mới lập phiếu xuất kho trên phần mềm DIP. Phiếu xuất kho được đồng bộ với phần mềm kế toán Bravo thông qua CSDL trung gian và được kế toán kéo về cập nhật Bravo khi cần thiết. |
|  |  | * 1. Kho có 1 cổng xuất được trang bị PC cài hệ điều hành win 7 và phần mềm quản lý kho. Kích thước và khoảng trống đủ để triển khai ống đọc RFID |
|  |  | * 1. Khi lấy hàng để đóng thùng thì nhân viên phải đi vào phòng mẫu để tìm sản phẩm và dưới mỗi sản phẩm có 1 thẻ kho, trên thẻ kho đang có thông tin về vị trí khoang, tầng , mặt của sản phẩm đó trong kho để nhân viên xác định được vị trí sản phẩm và đi lấy để đóng vào thùng. |
|  |  | * 1. Số lượng sản phẩm xuất kho trung bình 1 tháng vào khoảng 30.000 sản phẩm |
|  |  | * 1. Quy trình xuất trả hàng lỗi tương tự như xuất hàng cho cửa hàng từ sản xuất |
|  | 1. Quy trình kiểm kê kho thành phẩm: | |
|  |  | * 1. Phương pháp kiểm kê hiện tại để kiểm kê kho, nhân viên sẽ xuất file tồn trên hệ thống kế toán (File excel) và sau đó sẽ mang máy tính đi quét từng mã vạch trong kho. Nếu có chênh lệch thì phải điều chỉnh cả phần mềm xuất nhập kho DIP và phần mề kế toán Bravo để cho chính xác. (Tạo bù phiếu nhập, xuất trên phần mềm DIP để điều chỉnh số chênh lệch sau đó dữ liệu đẩy về CSDL trung gian để cho phần mềm kế toán Bravo lấy về) |
|  |  | * 1. Mỗi lần kiểm kê thì có thể kiểm kê toàn bộ kho hoặc 1 chủng loại sản phẩm cụ thể để lấy số lượng tồn của chủng loại sản phẩm đó |
|  |  | * 1. Với trường hợp kiểm kê toàn bộ kho thì thời gian kiểm kê lên đến 1-2 tháng. Và trong thời gian kiểm kê hoạt động nhập, xuất kho vẫn diễn ra bình thường và sau đó điều chỉnh lại sau |

# Quy trình quản lý in, cấp, dán mã vạch lên thành phẩm

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Mã vạch được quản lý trên phần mềm nhập, xuất kho DIP và được sinh ra khi tạo phiếu nhập kho. Mã vạch của may 10 đang không mang thông tin mà thông tin mã vạch đang được lưu trên phần mềm DIP. |
|  | 1. Thông tin mã vạch đang gồm màu, cỡ , Số lượng sản xuất ( theo lệnh sản xuất) |
|  | 1. Mã vạch đang được in tại Tổng công ty và in trên giất Decal Tomy A4 sau đó cắt ra và dán lên sản phẩm. kích thước mỗi tem mã vạch vào khoảng 19x39 mm |
|  | 1. Mã vạch của may 10 đang không theo chuẩn của GTIN13 vì trước có theo chuẩn của GTIN 13 nhưng không đủ mã cho sản phẩm nên không để theo chuẩn của GTIN13 nữa (hiện tại 5 số đầu đang cố định là mã doanh nghiệp, các số sau tự tăng theo thứ tự trong quá trình sinh mã vạch) |
|  | 1. Các thông tin màu, cỡ, năm sản xuất may 10 đang định đưa vào thông tin chip. |
|  | 1. Cấu hình và thông số của máy in mã vạch hiện tại đơn vị đang sử dụng. Đơn vị cung cấp máy in mã vạch? |
|  | 1. Cấu hình và thông số của máy đọc mã vạch hiện tại đơn vị đang sử dụng để thực hiện nhập/xuất và kiểm kê kho (nếu có) |

# Thùng đựng sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Chất liệu thùng đang là thùng giấy |
|  | 1. Kích thước tối đa 65x40x35 cm với cửa nhập và 85x51x31 cm với cửa xuất |
|  | 1. Trọng lượng tối đa của thùng đựng sản phẩm với cửa nhập là 10kg và cửa xuất là 20kg |
|  | 1. Số lượng tối đa sản phẩm được chứa trong một thùng khoảng 150 sản phẩm |
|  | 1. Xác định số lượng tối đa sản phẩm được nhập kho thành phẩm trong 1 ngày |
|  | 1. Các thùng hàng đang không được dán nhãn |

# Hệ thống mạng và máy chủ

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Hiện tại mạng của kho đang sử dụng 1 VLAN riêng |
|  | 1. Mạng Wifi đang được phủ sóng toàn bộ các thiết bị trong kho và may 10 sẵn sàng bổ sung thêm wifi nếu có nhu cầu |
|  | 1. Xác định vị trí đặt các Ống đọc Nhập/Xuất kho, Có triển khai được kết nối LAN tới các Ống đọc hay không? |
|  | 1. May 10 hiện tại có phòng máy chủ tiêu chuẩn nhưng CSDL của phần mềm kho đang được thuê đơn vị ở ngoài và đặt trên Cloud |
|  | 1. May 10 sẵn sàng đầu tư thêm máy chủ để phụ vụ riêng hệ thống RFID. Và máy chủ sẽ được đặt tại phòng máy chủ của may 10 sẽ có kết nối từ mạng lan của may 10 cũng như có IP public để truy cập từ bên ngoài. 2. Cấu hình máy chủ tối thiểu đề xuất:  * CPU:  Intel® Xeon 4 Cores * HDD: 500 GB * RAM: 16 GB |